

Số: 09/2018/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị
và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu môn Judo.

2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao môn Judo được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Thể dục, thể thao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện

1. Sàn tập có diện tích ít nhất là 64m² (mỗi chiều ít nhất là 8m). Mặt sàn bằng phẳng, không trơn trượt và được trải thảm hoặc đệm mềm có độ đàn hồi, độ dày ít nhất 4cm.

2. Ánh sáng bảo đảm từ 200 lux trở lên.

3. Có túi sơ cứu theo quy định của Bộ Y tế.

4. Có khu vực thay đồ, nơi cất giữ đồ, nhà vệ sinh.

5. Có võ phục chuyên môn Judo, bảo đảm 01 bộ/người.

6. Có sổ theo dõi võ sinh tham gia tập luyện.

7. Có bảng nội quy bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Đối tượng tham gia tập luyện, trang phục tập luyện, giờ tập luyện, biện pháp bảo đảm an toàn khi tập luyện.

Điều 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư này.

2. Có các khu vực: Cân vận động viên, khởi động, khu điểm danh, khu kiểm tra võ phục và đặt bàn y tế.

3. Có đồng hồ bấm giờ, còi báo hiệu, loa thông báo, bảng điểm, cân trọng lượng.

Điều 5. Mật độ tập luyện.

1. Mật độ tập luyện trên sàn bảo đảm ít nhất 03m²/01 người.

2. Mỗi người hướng dẫn tập luyện hướng dẫn không quá 30 võ sinh trong một buổi tập.

Điều 6. Tập huấn nhân viên chuyên môn

1. Tổng cục Thể dục thể thao, Liên đoàn Judo Việt Nam hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định.

3. Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo do cơ quan tổ chức tập huấn cấp. Mẫu giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

2. Thông tư số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục TDTT;
- Liên đoàn Judo Việt Nam;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCTDTT (10), NHA (400).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Thiện

PHỤ LỤC

(Ban hành theo Thông tư số 09 /2018/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu Giấy chứng nhận tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) <u>TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2)</u>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
Số: /GCN- ...(3)	... (4) ..., ngày ... tháng ... năm ...
<div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; display: flex; align-items: center; justify-content: center;">ảnh 4 x 6 cm</div>	GIẤY CHỨNG NHẬN Tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo
(2)..... chứng nhận Ông (Bà): Sinh ngày: Số CMND/Thẻ căn cước công dân:..... Nơi thường trú: Đã hoàn thành chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn tập luyện môn Judo. Thời gian: từ ngày đến Tại:
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)	

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)
- (2) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận
- (4) Địa danh.